

Bản án số: 12/2025/DS - ST
Ngày: 12/9/2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tường Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Thế Nam;

+ Bà Chu Hạ Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Cao Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2025/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam). Địa chỉ: I P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lee Yun H – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L1. Địa chỉ: Lầu A, số B L, phường X, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: ông Cồ Lê H1 – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Đoàn Nguyễn Hải L, sinh năm 2000. chỉ: Lầu 1, số B L, phường X, thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Minh K, sinh năm 1979.

Địa chỉ: khu phố N, phường S (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai.

(Đại diện công ty có mặt, bà K vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 22/03/2023, Công ty T1 (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là “Công ty T1”) ký Hợp đồng tín dụng số: 4440946 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”) về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Minh K với khoản vay trị giá 28.200.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng), trong đó bao gồm: 28.200.000 đồng tiền vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hình

thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay: 48%/năm. Thời hạn vay là 24 tháng tính từ ngày 25/04/2023 đến ngày 25/03/2025.

Sau khi ký kết, vào ngày 22/03/2023, Công ty T1 đã tiến hành giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Nguyễn Thị Minh K với hình thức chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng mà bà Nguyễn Thị Minh K đã cung cấp. Qua đó, bà Nguyễn Thị Minh K có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền hàng tháng cho phía Công ty T1 theo đúng thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng trên vào ngày 25 hàng tháng.

Tuy nhiên, từ ngày 26/08/2023, bà Nguyễn Thị Minh K đã ngừng thanh toán khoản vay cho phía Công ty T1, mặc dù phía Công ty đã nhiều lần nhắc nhở cũng như gọi điện liên hệ để đề nghị bà Nguyễn Thị Minh K thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ phía bà Nguyễn Thị Minh K về việc thanh toán khoản vay đã quá hạn trên. Tính đến thời điểm hiện tại, bà Nguyễn Thị Minh K chỉ thanh toán được 05 kỳ với tổng số tiền: 7.961.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn đồng*). Trong đó bao gồm: 929.032 đồng tiền gốc; 6.971.968 đồng tiền lãi; 60.000 đồng tiền phí thu hộ (*lịch sử thanh toán được thể hiện cụ thể tại Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng, đính kèm đơn khởi kiện này*).

Tính đến ngày 12/9/2025, bà Nguyễn Thị Minh K đã trễ hạn, không thanh toán các khoản tiền như sau:

- Số nợ gốc còn lại chưa thanh toán (số tiền gốc phải thanh toán): 27.270.968 đồng.

- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (số tiền lãi chưa trả tính từ kỳ 06 đến kỳ 24, chi tiết tại bảng Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng): 10.938.182 đồng.

- Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn ($150\% \times \text{lãi suất năm} \times \text{số tiền gốc phải trả mỗi kỳ} \times \text{số ngày trễ hạn} / 365 \text{ ngày}$): 21.957.536 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán ($10\% \times \text{số tiền lãi phải thanh toán mỗi kỳ} \times \text{số ngày trễ hạn} / 365 \text{ ngày}$): 1.662.608 đồng.

Nay Công ty T1 (Việt Nam) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Minh K phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T1 (*bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí*) tính đến ngày 12/9/2025 với tổng số tiền là 61.829.294 đồng (*Bằng chữ: sáu mươi một triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm chín mươi tư đồng*) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 13/9/2025 đến khi hoàn tất việc thanh toán.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh K mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

* Các tài liệu, chứng cứ thu thập được:

- Đơn khởi kiện; Điều lệ Công ty T1 (Việt Nam), T thông báo trả nợ, báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng, CCCD bà K (phô tô); Quyết định ủy quyền ký tài liệu số 162/2024/QĐ-MAFC ngày 02/4/2024; Quyết định bổ nhiệm nhân sự số 33/2023/QĐ-TGĐ ngày 29/12/2023 (bản sao); Quyết định bổ nhiệm nhân sự 0301/2014/BOD-MAC ngày 10/3/20041 (bản sao); Giấy đăng ký hoạt động văn

phòng luật sư (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao); Hợp đồng ủy quyền, giấy ủy quyền; CCCD (bản sao); bản tính lãi, đơn đề nghị không chuyển vụ án qua trung tâm H2; đơn đề nghị không mở phiên hòa giải; bản tự khai; Bảng tính lãi; Biên bản xác minh.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Công ty T1 (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Minh K trả khoản nợ như trên là có cơ sở nên chấp nhận: buộc bà Nguyễn Thị Minh K phải trả cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền tạm tính đến ngày tính đến ngày 12/09/2025 với tổng số tiền là 61.829.294 đồng (*Bằng chữ: sáu mươi một triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm chín mươi tư đồng*) cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng các bên đã ký kết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, các chi phí tố tụng được giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án; quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng: Công ty T1 (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Minh K có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc, tiền lãi theo thỏa thuận các bên tại hợp đồng được ký kết nên Công ty T1 (Việt Nam) là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Minh K là bị đơn; bà Nguyễn Thị Minh K có nơi cư trú tại khu phố N, phường S (nay là phường B), tỉnh Đồng Nai nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục ủy quyền: Công ty T1 (Việt Nam) có văn bản ủy quyền cho Công ty L1. Địa chỉ: Lầu A, số B L, phường X, thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện, Công ty L1. Địa chỉ: Lầu A, số B L, phường X, thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền lại cho anh Đ Nguyễn Hải L làm việc. Xét việc ủy quyền trên của là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định tại Điều 87 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Minh K nhưng bà K vắng mặt không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Công ty T1 (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 4440946 ngày 22/3/2023 với số tiền tổng

cộng tạm tính đến ngày 12/9/2025 với tổng số tiền là 61.829.294 đồng (*Bằng chữ: sáu mươi một triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm chín mươi tư đồng*).

Để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp toàn bộ hồ sơ vay và những tài liệu kèm theo. Xét thấy, Hợp đồng tín dụng giữa Công ty với bị đơn được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; nội dung và hình thức hợp đồng không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn đã vi phạm nội dung được thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết; vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Minh K theo quy định nhưng cho đến nay bà K vẫn không đến Tòa án làm việc, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì về việc bản thân đã trả tiền cho ngân hàng đến thời điểm hiện nay.

Theo khoản 2 Điều 91 BLTTDS *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”* và khoản 2 Điều 92 BLTTDS quy định *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi và gốc Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình vay bà K đã thanh toán được tiền gốc và lãi, đến ngày 26/8/2023 bà K không thanh toán nợ gốc và lãi theo thỏa thuận và toàn bộ số nợ trên của bà K chuyển sang nợ quá hạn nên Công ty đã khởi kiện yêu cầu bà K trả nợ gốc và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (Việt Nam) nên bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Công ty T1 (Việt Nam) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 85; Điều 87; Điều 91; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 180; Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 464, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (Việt Nam) đối với bà Nguyễn Thị Minh K về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Minh K phải trả cho Công ty T1 (Việt Nam) tổng số tiền tính đến ngày 12/9/2025 là 61.829.294 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi một triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm chín mươi tư đồng*), trong đó: tiền nợ gốc là 27.270.968 đồng, tiền lãi quá hạn chưa thanh toán là 10.938.182 đồng, số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 21.957.536 đồng, số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán là 1.662.608 đồng.

Kể từ ngày 13/9/2025, bà K còn phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 4440946 ngày 22/3/2023 đã ký kết cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng đã ký kết, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty cho vay.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh K phải nộp 3.091.000đ (*Ba triệu, không trăm chín mươi một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.259.831 đồng (*Một triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm ba mươi một đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0019094 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Đồng Nai).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Công ty T1 (Việt Nam) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Minh K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Tường Vy

